

GIẢI PHÁP MỞ NGÀNH MỚI NHẪM TĂNG SỨC HÚT TUYỂN SINH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Nguyễn Văn Thân^{1,*}

¹Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

*Email: thanhthanhaiduong@gmail.com

TÓM TẮT

Hiện nay các trường đại học đang đứng trước áp lực đổi mới để thích ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và sự thay đổi trong xu hướng lựa chọn ngành nghề của người học. Vì vậy, việc xây dựng chiến lược phát triển mở các ngành đào tạo mới phù hợp với nhu cầu xã hội là yếu tố then chốt để nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút người học, Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh cũng không nằm ngoài xu thế đó. Trong định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh theo xu hướng chuyển dịch từ kinh tế “nâu” sang kinh tế “xanh”, tác giả đề xuất mở một số ngành đào tạo mới có tiềm năng mở trong giai đoạn tới như: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Trí tuệ nhân tạo, Kỹ thuật năng lượng tái tạo, Kỹ thuật môi trường, Thương mại điện tử. Đây là những ngành đào tạo phù hợp với chiến lược phát triển của tỉnh Quảng Ninh, có nhu cầu nhân lực cao và tận dụng được đội ngũ giảng viên và năng lực đào tạo hiện có của Nhà trường.

Từ khóa: tuyển sinh đại học, mở ngành mới, nhu cầu xã hội, đào tạo, nguồn nhân lực.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh là một trong những cơ sở giáo dục đại học có bề dày lịch sử đào tạo thuộc khối công nghiệp tại khu vực Đông Bắc Bộ. Trong nhiều năm qua, Nhà trường đã đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật phục vụ ngành than và công nghiệp khai thác khoáng sản, vốn là ngành mũi nhọn của tỉnh Quảng Ninh. Trong bối cảnh cạnh tranh tuyển sinh ngày càng gay gắt, đặc biệt là giữa các trường đại học khu vực phía Bắc, Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh đang đối mặt với thách thức về thu hút người học, nhất là xu hướng quy mô sinh viên giảm và nhu cầu thị trường lao động thay đổi nhanh chóng, bên cạnh đó trong bối cảnh toàn quốc đang đẩy mạnh chuyển đổi số và phát triển kinh tế xanh, thì cơ cấu ngành đào tạo truyền thống của nhà trường đang dần bộc lộ nhiều hạn chế, dẫn đến khó khăn trong công tác tuyển sinh. Vì vậy, việc nghiên cứu mở thêm các ngành mới phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và thị trường lao động, đồng thời cải tiến công tác truyền thông tuyển sinh là yêu

cầu cấp thiết để nhà trường nâng cao sức hút trong công tác tuyển sinh của trường.

2. CƠ SỞ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn

Cơ sở lý luận: Dựa trên lý thuyết phát triển chương trình đào tạo gắn với nhu cầu thị trường lao động, lý thuyết về phân tích SWOT trong quản trị chiến lược ngành đào tạo đại học.

Cơ sở thực tiễn: Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-ĐHCNQ ngày 19 tháng 8 năm 2021 về việc ban hành Chiến lược phát triển của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2035; định hướng phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030; chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam đến năm 2030; Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ [1]; Quyết định số 896/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc đổi tên ngành đào tạo đại học và thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các báo

cáo tổng kết đánh giá công tác tuyển sinh và đào tạo của nhà trường giai đoạn 2020–2024.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thu thập và phân tích dữ liệu từ các báo cáo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam đến năm 2030, văn bản chỉ đạo từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, và số liệu thống kê từ Cục Thống kê.

Áp dụng phương pháp phân tích SWOT để đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong việc mở ngành mới tại trường.

Thực hiện phân tích so sánh mô hình mở ngành tại một số cơ sở giáo dục đại học có điều kiện và định hướng phát triển tương tự, bao gồm: Trường Đại học Mở - Địa chất, Đại học Sao Đỏ, Đại học Việt Trì, Đại học Việt-Hung.

3. THỰC TRẠNG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

3.1. Cơ cấu các ngành hiện tại của trường

Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh là một trong những cơ sở giáo dục đại học công lập, có thế mạnh truyền thống về đào tạo nhóm ngành kỹ thuật, đặc biệt là các ngành phục vụ trực tiếp cho công nghiệp khai thác mỏ, năng lượng và cơ khí. Tính đến tháng 5 năm 2024, Nhà trường được Bộ Giáo dục và đào tạo cho phép tuyển sinh và đào tạo 13 ngành đại học chính quy, phân bổ trong các lĩnh vực chính:

Nhóm ngành kỹ thuật – công nghệ: Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật điện, điện tử, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật cơ khí, công nghệ ô tô, ...

Nhóm ngành kinh tế – quản trị: Kế toán, Quản trị kinh doanh, Tài chính- Ngân hàng.

Tuy nhiên, về tổng thể, cơ cấu ngành đào tạo của Nhà trường vẫn còn nghiêng nhiều về khối ngành kỹ thuật truyền thống. Trong khi đó, các ngành dịch vụ, công nghệ cao, hoặc các ngành có tính liên ngành và phù hợp với xu thế phát triển xã hội hiện đại vẫn còn rất hạn chế. Các ngành đào tạo, cụ thể (bảng 1).

Bảng 1: Các ngành đào tạo của trường được mở giai đoạn 2008-2025

TT	Tên ngành	Năm tuyển sinh
1	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2008

2	Kỹ thuật mỏ	2008
3	Kỹ thuật tuyển khoáng	2008
4	Kế toán	2009
5	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2009
6	Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ	2012
7	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	2012
8	Công nghệ thông tin	2013
9	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	2013
10	Kỹ thuật địa chất	2014
11	Quản trị kinh doanh	2016
12	Tài chính - Ngân hàng	2016
13	Công nghệ kỹ thuật ô tô	2025

3.2. Đánh giá kết quả tình hình công tác tuyển sinh trong 5 năm gần đây (2020-2024)

Từ năm 2020 đến 2024, công tác tuyển sinh của Nhà trường đã gặp không ít khó khăn, đặc biệt trong việc thu hút thí sinh đăng ký vào các ngành kỹ thuật truyền thống như Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật tuyển khoáng, Kỹ thuật trắc địa-Bản đồ, Kỹ thuật địa chất, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng. Số liệu thống kê giai đoạn 5 năm gần đây về kết quả tuyển sinh cho thấy:

Đa số các ngành có tỷ lệ tuyển sinh đạt dưới 50% so với chỉ tiêu được giao. Cụ thể (bảng 2)

Một số ngành đào tạo trình độ đại học thuộc lĩnh vực phục vụ ngành trực tiếp cho khai thác mỏ thì tỷ lệ tuyển sinh đạt được rất thấp, thậm chí có ngành không tuyển sinh được sinh viên.

Mặc dù công tác truyền thông tư vấn tuyển sinh của trường đã triển khai thường xuyên, nhưng số lượng người học đăng ký vào học các ngành hẹp vẫn chưa đạt số lượng để mở lớp.

Thực tế công tác tuyển sinh hiện nay của nhà trường xuất hiện xu hướng mất cân đối về kết quả tuyển sinh giữa các ngành đào tạo: nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, Công nghệ thông tin, Kế toán, Quản trị kinh doanh thu hút được nhiều sinh viên hơn. Trong khi nhóm ngành Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật tuyển khoáng, Kỹ thuật trắc địa-Bản đồ gặp nhiều khó khăn trong tuyển sinh. Kết quả và tỷ lệ tuyển

sinh đại học theo từng ngành trong 5 năm gần đây từ 2020-2024 và tỷ lệ sinh viên nhập học giai đoạn 2020-2024 [6], cụ thể (bảng 3).

Bảng 2. Tỷ lệ sinh viên nhập học giai đoạn 2020-2024

TT	Năm	Tổng chỉ tiêu	Số sv nhập học	Tỷ lệ đạt (%)
1	2020	1820	210	11.54
2	2021	1880	375	19.95
3	2022	1420	340	23.94
4	2023	1201	300	24.98
5	2024	860	354	41.16

Bảng 3. Kết quả và tỷ lệ tuyển sinh theo từng ngành giai đoạn 5 năm 2020-2024

Tên ngành	Tỷ lệ sinh viên nhập học theo từng năm (%)				
	2020	2021	2022	2023	2024
Quản trị kinh doanh	28.5	23.3	20.7	5.93	32.5
Tài chính ngân hàng	8.57	18.8	15.5	22.2	14.0
Kế toán	19.5	41.3	27.8	24.2	34.4
Công nghệ thông tin	10.0	25.1	25.1	16.7	38.3
Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	0.00	3.00	0.00	14.0	0.00
Công nghệ kỹ thuật cơ khí	8.82	30.3	28.1	31.1	43.9
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	9.66	19.2	26.0	66.4 4	48.6
Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	17.6	30.4	35.8	29.6	58.1
Kỹ thuật mỏ	10.0	4.83	15.7	20.0	15.9
Kỹ thuật tuyển khoáng	1.11	0.00	8.33	0.00	0.00
Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	1.67	0.00	0	0.00	0.00

3.3. Đánh giá một số nguyên nhân chính

Sự thay đổi xu hướng lựa chọn ngành nghề của học sinh THPT: Giới trẻ ngày càng có xu hướng chọn các ngành dịch vụ, công nghệ thông tin, hoặc các ngành "thời thượng" như Digital Marketing, Trí tuệ nhân tạo... thay vì các ngành lao động nặng nhọc như mỏ, cơ khí.

Sự cạnh tranh giữa các trường đại học: Nhiều trường mở rộng đào tạo đa ngành, áp dụng chiến lược truyền thông mạnh mẽ, khiến Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh gặp áp lực lớn trong thu hút thí sinh. Đặc biệt khi tỉnh Quảng Ninh thành lập Trường Đại học Hạ Long và có cơ chế ưu đãi vượt trội cho Trường Đại học Hạ Long, vì vậy đã ảnh hưởng trực tiếp đến công tác tuyển sinh của Nhà trường.

Thiếu sự liên kết đào tạo với doanh nghiệp trong ngành truyền thống: Khi ngành nghề không gắn với cơ hội thực tế việc làm và thu nhập ổn định, thí sinh ít có động lực đăng ký.

Cơ sở vật chất và thương hiệu đào tạo chưa tạo được sự đột phá đủ mạnh để cạnh tranh với các trường, đặc biệt trường thuộc tỉnh cũng như các trường trực thuộc Bộ Công Thương.

Chương trình đào tạo vẫn mang tính truyền thống, chưa tích hợp các kỹ năng mềm, kỹ năng số, hoặc học phần mang tính liên ngành, điều đang được người học hiện nay rất quan tâm.

Mô hình đào tạo hiện nay của nhà trường chưa linh hoạt, hình thức học tập kết hợp thực học – thực nghiệp hoặc hợp tác đào tạo với doanh nghiệp trong và ngoài nước còn hạn chế.

4. NHU CẦU NHÂN LỰC CỦA XÃ HỘI VÀ CƠ HỘI MỞ NGÀNH MỚI TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

4.1. Xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh và cả nước

Trong những năm gần đây, tỉnh Quảng Ninh đã có những bước phát triển vượt bậc trong quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế từ "nâu" sang "xanh", tập trung vào các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao và thân thiện với môi trường. Theo định hướng đến năm 2030, Quảng Ninh sẽ trở thành tỉnh dịch vụ - công nghiệp hiện đại, trong đó ưu tiên các lĩnh vực: (1) Công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao như sản xuất điện tử, linh kiện...; (2) Dịch vụ logistics và kinh tế

cảng biển; (3) Du lịch thông minh, du lịch chất lượng cao gắn với Di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long; (3) Công nghệ số, chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong các ngành dịch vụ; (4) Kinh tế tuần hoàn và năng lượng tái tạo, hướng tới phát triển bền vững; (5) Công nghệ chế biến chế tạo.

Song song với đó, chính phủ cũng đang chỉ đạo quyết liệt trong giai đoạn chuyển mình mạnh mẽ để bắt kịp cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0), đặc biệt tập trung vào đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các lĩnh vực: (1) Công nghệ thông tin, dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI); (2) Năng lượng mới và năng lượng tái tạo; (3) Tự động hóa và robot công nghiệp; (4) Quản trị kinh doanh số, thương mại điện tử; (5) Logistics và quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu; (6) Công nghệ môi trường và phát triển bền vững.

Những định hướng trên đang đặt ra yêu cầu cấp thiết về đào tạo nguồn nhân lực mới, có kỹ năng thích ứng và làm chủ các công nghệ hiện đại. Đây là cơ hội quan trọng để Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh nghiên cứu, đề xuất mở thêm các ngành mới phù hợp với thực tiễn.

4.2. Dự báo nhu cầu nhân lực theo ngành tại khu vực Đông Bắc và tỉnh Quảng Ninh

Theo Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và thông tin thị trường lao động quốc gia, giai đoạn 2025–2030, Việt Nam sẽ cần trung bình 400.000 – 500.000 lao động/năm ở nhóm ngành công nghệ - dịch vụ - kỹ thuật cao [2]. Riêng khu vực Đông Bắc (trong đó có Quảng Ninh), nhu cầu nhân lực nổi bật trong các lĩnh vực: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, Công nghệ thông tin và AI, Năng lượng tái tạo, Du lịch thông minh và quản trị khách sạn số, Kỹ thuật môi trường. Số liệu cụ thể (bảng 4).

Theo định hướng xu thế phát triển đến năm 2030, Quảng Ninh sẽ phát triển: Vân Đồn thành trung tâm tài chính – du lịch sinh thái biển đảo; Mở rộng hệ thống cảng biển, logistics, kinh tế cửa khẩu Móng Cái; Thu hút đầu tư vào năng lượng tái tạo, công nghiệp sạch, chuyển đổi số chính quyền. Vì vậy, dẫn đến nhu cầu nguồn nhân lực có trình độ đại học trong các ngành

sau: Logistics và chuỗi cung ứng; Du lịch – khách sạn – dịch vụ trải nghiệm; Thương mại điện tử – kinh tế số; Năng lượng tái tạo, kỹ thuật môi trường; An toàn mạng, trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu ngày càng nhiều [3].

Đặc biệt, hiện nay Chính phủ đang đẩy mạnh nguồn lực và ưu tiên phát triển ngành công nghệ chế biến, chế tạo. Trong đó tỉnh Quảng Ninh đang tập trung thu hút người học để đào tạo ngành công nghệ chế biến chế tạo nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực của tỉnh [4].

Bảng 4. Nhu cầu nguồn nhân lực đến năm 2030

TT	Lĩnh vực	Dự báo nhu cầu nhân lực đến năm 2030	Ghi chú
1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Tăng 8–10% mỗi năm	Phục vụ hệ thống cảng biển, KCN như Vân Đồn, Cái Lân
2	Công nghệ thông tin và AI	Trên 50.000 nhân lực/năm toàn quốc	Nhiều doanh nghiệp chuyển hướng số hóa
3	Năng lượng tái tạo	15.000–20.000 nhân lực/năm	Phát triển điện gió, điện mặt trời
4	Du lịch thông minh, quản trị khách sạn số	20.000 nhân lực/năm	Du lịch Quảng Ninh cần nhân sự chất lượng cao
5	Kỹ thuật môi trường	Tăng 7–8%/năm	Do yêu cầu xử lý ô nhiễm, phát triển bền vững

4.3. Phân tích cơ hội mở ngành mới tại Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

Trên cơ sở phân tích nhu cầu nhân lực, định hướng kinh tế địa phương và thế mạnh hiện có, có thể thấy Trường Đại học Công nghiệp Quảng

Ninh hoàn toàn có khả năng xây dựng, phát triển một số ngành đào tạo mới như:

Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng: Tận dụng lợi thế vị trí địa lý gần cảng biển, khu công nghiệp, phát triển dịch vụ hậu cần.

Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu: Phát triển từ nền tảng Công nghệ thông tin sẵn có, hợp tác với doanh nghiệp công nghệ.

Kỹ thuật năng lượng tái tạo: Kế thừa năng lực đào tạo ngành Điện, điện tử và Tự động hóa, mở rộng sang lĩnh vực năng lượng mới.

Kỹ thuật môi trường: Phục vụ nhu cầu kiểm soát môi trường trong công nghiệp và đô thị.

Việc mở ngành mới cần gắn với chiến lược tuyển sinh dài hạn, xây dựng chương trình đào tạo cập nhật, có sự tham gia của doanh nghiệp và đảm bảo đầu ra cho sinh viên khi tốt nghiệp.

5. ĐỀ XUẤT MỞ NGÀNH MỚI VÀ CÁC GIẢI PHÁP TĂNG SỨC HÚT TUYỂN SINH

5.1. Đề xuất mở ngành đào tạo đại học mới đảm bảo sự phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội và của tỉnh Quảng Ninh

Dựa trên những phân tích về thực trạng đào tạo, nhu cầu nhân lực của tỉnh Quảng Ninh, cũng như xu hướng phát triển kinh tế - xã hội khu vực Đông Bắc [5]. Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh có cơ hội để mở rộng các ngành đào tạo mới, phù hợp với khả năng hiện tại và định hướng chiến lược phát triển. Các ngành được đề xuất bao gồm cụ thể như sau:

(1) Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng: Căn cứ đề xuất vì Quảng Ninh là địa phương có lợi thế lớn về cảng biển, giao thông đường bộ, đường sắt và khu công nghiệp – tạo điều kiện phát triển mạnh ngành logistics. Khả năng triển khai để tận dụng tối đa nguồn lực đội ngũ giảng viên ngành Quản trị kinh doanh, ngành Kế toán hiện có của Nhà trường.

(2) Ngành Trí tuệ nhân tạo (AI) và Khoa học dữ liệu: Căn cứ đề xuất, vì xu hướng chuyển đổi số và ứng dụng AI trong công nghiệp, quản lý và đời sống đang bùng nổ. Khả năng triển khai để khai thác và phát triển từ nền tảng ngành Công nghệ thông tin hiện tại của trường.

(3) Ngành Kỹ thuật năng lượng tái tạo: Căn

cứ đề xuất để phù hợp với định hướng phát triển bền vững, giảm phụ thuộc vào than đá, tận dụng tiềm năng điện gió, điện mặt trời. Khả năng triển khai sẽ phát triển từ các ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử và tận dụng cơ sở vật chất phòng thực hành sẵn có của trường.

(4) Ngành Kỹ thuật môi trường: Căn cứ đề xuất là hiện nay trong thực tế rất cần thiết để giám sát, kiểm soát ô nhiễm trong các khu công nghiệp, đô thị, và các mỏ khai thác tại Quảng Ninh. Khả năng triển khai là tận dụng đội ngũ giảng viên của Khoa Môi trường và kết hợp đào tạo lý thuyết với các mô hình thực tế phòng thí nghiệm môi trường với các doanh nghiệp có quan hệ hợp tác truyền thống với trường..

(5). Ngành Thương mại điện tử: Căn cứ đề xuất là để đáp ứng sự phát triển mạnh mẽ của thị trường mua sắm online, logistics số và kinh doanh trực tuyến. Khả năng triển khai là sẽ khai thác đội ngũ giảng viên của Khoa Kinh tế và Khoa Công nghệ Thông tin, kết hợp nền tảng giữa ngành Quản trị kinh doanh, Kế toán với Ngành Công nghệ thông tin hiện có, phù hợp với xu hướng khởi nghiệp của sinh viên.

5.2. Một số giải pháp cơ bản để tăng cường sức hút tuyển sinh đại học

Để đảm bảo hiệu quả trong việc mở ngành mới và tăng chỉ tiêu tuyển sinh, Nhà trường cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

(1) Đổi mới chương trình đào tạo: Thiết kế chương trình đào tạo gắn với thực tiễn, tích hợp kỹ năng mềm, kỹ năng số và ngoại ngữ; Ứng dụng mô hình học tập kết hợp (blended learning), đào tạo linh hoạt theo nhu cầu xã hội; Thường xuyên cập nhật xu hướng nghề nghiệp, tiêu chuẩn quốc tế vào chương trình giảng dạy.

(2) Đẩy mạnh công tác truyền thông và hướng nghiệp: Phát triển hệ sinh thái truyền thông số (Facebook, TikTok, YouTube, Zalo OA...) để quảng bá ngành mới; Tổ chức các buổi livestream, tọa đàm, talkshow định hướng ngành nghề với sự tham gia của chuyên gia, cựu sinh viên, doanh nghiệp; Tăng cường tư vấn trực tiếp tại các trường THPT, tổ chức trải nghiệm “Một ngày làm sinh viên”.

(3) Hợp tác doanh nghiệp trong đào tạo và tuyển dụng: Mở rộng ký kết hợp tác đào tạo – thực tập – tuyển dụng với doanh nghiệp, đặc biệt đối với ngành mới mở; Mời doanh nghiệp tham gia vào quá trình xây dựng chương trình đào tạo, giảng dạy học phần chuyên ngành; Phát triển mô hình đào tạo gắn với việc làm: “Học tại trường – Làm tại doanh nghiệp”.

(4) Chính sách học bổng và hỗ trợ tài chính: Xây dựng các gói học bổng cho sinh viên đăng ký ngành mới hoặc ngành đặc thù có tính vượt trội; Hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên vùng khó khăn, sinh viên giỏi; Khen thưởng thành tích học tập và rèn luyện để tạo động lực.

(5). Đẩy mạnh và tăng cường thương hiệu và hình ảnh nhà trường: Nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, không gian học tập thân thiện, hiện đại; Tạo dựng hình ảnh Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh là trường đại học “thực học – thực nghiệp – đổi mới sáng tạo”; Mở rộng hợp tác quốc tế, trao đổi sinh viên để gia tăng độ uy tín và hội nhập của Nhà trường.

6. THẢO LUẬN

Thông qua đánh giá thực trạng các ngành và số liệu tuyển sinh trong năm gần đây (2020-2024). Kết quả trên đã chỉ rõ những điểm mạnh, hạn chế và cơ hội để Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh phát triển thêm các ngành học mới nhằm tăng sức hút tuyển sinh, cụ thể:

Cơ hội phát triển các ngành mới: Với lợi thế vị trí địa lý trường thuộc tỉnh Quảng Ninh có nhiều khu công nghiệp, cảng biển lớn cùng sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, năng lượng xanh và du lịch tại Quảng Ninh, việc mở các ngành như Logistics, Năng lượng tái tạo, Trí tuệ nhân tạo (AI), Thương mại điện tử, công nghệ chế biến chế tạo là rất phù hợp. Đây là những lĩnh vực đang có nhu cầu nhân lực cao và nhiều cơ hội việc làm trong tương lai.

Thách thức về nguồn lực giảng dạy và cơ sở vật chất: Nhà trường cần có kế hoạch đào tạo, tuyển dụng giảng viên chuyên môn sâu cho các ngành mới và đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy. Việc này đòi hỏi sự chuẩn bị kỹ lưỡng cả về tài chính và chiến lược lâu dài.

Chủ động hợp tác doanh nghiệp: Để đảm

bảo chương trình đào tạo sát thực tế, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, nhà trường nên thúc đẩy quan hệ đối tác với các doanh nghiệp tại tỉnh Quảng Ninh. Các chương trình hợp tác thực tập, dự án ứng dụng thực tiễn và cấp chứng chỉ kỹ năng bổ sung sẽ giúp sinh viên có lợi thế cạnh tranh khi ra trường.

Truyền thông và tư vấn tuyển sinh: Công tác truyền thông hiện đại, sử dụng các kênh số, mạng xã hội và tổ chức tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông từ sớm sẽ giúp nhà trường nâng cao nhận diện thương hiệu và thu hút thí sinh cho các ngành mới mở.

Cải tiến chương trình đào tạo: Ngoài việc mở ngành mới, trường cũng phải thường xuyên rà soát cập nhật chương trình các ngành hiện có, hướng đến liên ngành, tích hợp công nghệ và phát triển kỹ năng mềm để tăng tính linh hoạt và đáp ứng đa dạng nhu cầu của xã hội.

7. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

7.1. Kết luận

Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh đứng trước cơ hội mang tính chiến lược để tái cấu trúc các ngành đào tạo, chuyển dịch từ mô hình truyền thống “kỹ thuật khai thác” sang các nhóm ngành hiện đại, đáp ứng xu thế chuyển đổi số và phát triển xanh. Với lợi thế về truyền thống đào tạo, cơ sở vật chất tương hiện có, cùng vị trí địa lý thuộc tỉnh Quảng Ninh với chiến lược phát triển trung tâm công nghiệp – du lịch của tỉnh, nhà trường hoàn toàn có thể thực hiện thành công việc mở ngành mới. Để đảm bảo tính bền vững, việc mở ngành cần gắn với quy hoạch vùng, hợp tác doanh nghiệp, đổi mới chương trình đào tạo theo hướng thực hành – khởi nghiệp – số hóa. Đồng thời, cần đầu tư nghiêm túc vào công tác truyền thông ngành học, tạo thương hiệu mới trong quá trình phát triển ổn định, bền vững của Nhà trường.

7.2. Kiến nghị

Nhà trường cần sớm triển khai xây dựng chiến lược mở ngành mới đại học dựa trên khảo sát nhu cầu thị trường và khả năng nguồn lực của nhà trường. Đồng thời thành lập nhóm nghiên cứu phát triển ngành học mới, có chiến lược từng bước rõ ràng và có tính khả thi cao.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng và thu hút đội ngũ giảng viên có chuyên môn sâu trong các lĩnh vực phát triển mở các ngành mới.

Đầu tư nâng cấp trang thiết bị, phòng thí nghiệm, phòng học hiện đại phục vụ cho các ngành đào tạo mới, đảm bảo chất lượng và hiệu quả giảng dạy đáp ứng các yêu cầu của Bộ.

Mở rộng hợp tác với doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để xây dựng chương trình đào tạo theo đơn đặt hàng, tổ chức thực tập, tham quan thực tế và hỗ trợ việc làm cho sinh viên.

Xây dựng chính sách hỗ trợ học bổng, khuyến khích sinh viên học tập và nghiên cứu trong các ngành mới, đặc biệt là các ngành trọng điểm có nhu cầu cao về nguồn nhân lực.

Đẩy mạnh công tác truyền thông tuyển sinh, áp dụng công nghệ số và tổ chức các chương trình tư vấn hướng nghiệp tại các trường THPT để nâng cao nhận diện và sức hút ngành mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022). *Thông tư số 23/2022/TT-BGDĐT ban hành Quy chế mở ngành đào tạo trình độ đại học*. Hà Nội.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021). *Báo cáo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021–2030*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
3. Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2021). *Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050*. Quảng Ninh.
4. Nguyễn Thị Hường (2022). “Phát triển ngành đào tạo trong bối cảnh chuyển đổi số tại các trường đại học địa phương”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, Số 192(6), tr. 45–51.
5. Trần Quang Tuyền (2022). “Tăng cường hợp tác nhà trường – doanh nghiệp trong đào tạo nhân lực”, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, Số 303, tr. 35–40.
6. Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh. *Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh và đào tạo giai đoạn 2020–2024*. Phòng Đào tạo.

Thông tin của tác giả:

TS. Nguyễn Văn Thân

Trưởng phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

Điện thoại: 0912622812 - Email: thanhthanhaiduong@gmail.com

SOLUTIONS FOR DEVELOPING NEW ACADEMIC PROGRAMS TO ENHANCE STUDENT ENROLLMENT APPEAL AT QUANG NINH UNIVERSITY OF INDUSTRY

Information about authors:

Dr. Nguyen Van Than

Head of Training Department, Quang Ninh University of Industry

Phone: +84 912 622 812 Email: thanhthanhaiduong@gmail.com

ABSTRACT

In the context of increasing demands for innovation in higher education, universities are under significant pressure to adapt to the evolving socio-economic landscape and shifting trends in student career preferences. Developing strategic plans to introduce new academic programs aligned with

labor market needs has become a critical factor in enhancing institutional competitiveness and student enrollment. Quang Ninh University of Industry is no exception to this trend.

Aligned with the socio-economic development strategy of Quang Ninh Province—transitioning from a "brown" economy to a "green" economy—this paper proposes the introduction of several new academic programs with high development potential in the near future. These include: Logistics and Supply Chain Management, Artificial Intelligence, Renewable Energy Engineering, Environmental Engineering, and E-commerce. These proposed programs are consistent with the province's development priorities, respond to the increasing demand for high-quality human resources, and leverage the university's existing faculty capacity and training infrastructure.

Keywords: university enrollment, new program development, social demand, education and training, human resources.

REFERENCES

1. Ministry of Education and Training. (2022). Circular No. 23/2022/TT-BGDĐT promulgating the regulation on establishing undergraduate training programs. Hanoi, Vietnam.
2. Ministry of Planning and Investment. (2021). Ten-year socio-economic development strategy report 2021–2030. Hanoi, Vietnam: Truth National Political Publishing House.
3. People's Committee of Quang Ninh Province. (2021). Quang Ninh provincial planning period 2021–2030, vision to 2050. Quang Ninh, Vietnam.
4. Nguyen, T. H. (2022). Development of training programs in the context of digital transformation at local universities. *Journal of Educational Science*, (192)6, 45–51.
5. Tran, Q. T. (2022). Strengthening school-business cooperation in human resource training. *Journal of Economics and Development*, (303), 35–40.
6. Quang Ninh University of Industry. (2024). Summary report on enrollment and training activities for the period 2020–2024. Training Department.

Ngày nhận bài: 08/06/2025;

Ngày nhận bài sửa: 23/06/2025;

Ngày chấp nhận đăng: 27/06/2025.